TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2026/HS-PT
Ngày: 06/03/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Phước Hoà**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Thành An, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 270/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Trần Trọng T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 181/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Bị cáo có kháng cáo*:

Trần Trọng T**,** sinh ngày 06 tháng 9 năm 1992 tại tỉnh Nghệ An, CCCD số: 186856191; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An (nay là xã N, tỉnh Nghệ An*)* nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng H *(còn sống)* và bà Lê Thị H1 *(chết)*; có vợ là bà Lê Vương Tú T1 và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 05/12/2024. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Số 1 Công an thành phố Đ. Có mặt

- *Người bào chữa theo chỉ định của bị cáo* Trần Trọng T*:* Ông Nguyễn Thành Đ, Luật sư Công ty L2 - thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2023 đến tháng 9/2024, Trần Trọng T làm dịch vụ môi giới cho thuê xe du lịch, T không đăng ký thành lập công ty nhưng tự tạo dựng công ty TNHH V do T làm giám đốc để ký các hợp đồng cho thuê xe du lịch. Thời gian này, T cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân nên đã đưa ra thông tin gian dối về việc Công ty của T cần nhiều xe du lịch để cho thuê và đưa đón khách du lịch đi chơi C ở Bà N để kêu gọi vợ chồng bà Lê Thị Thu T2, ông Tăng Duy P góp vốn mua xe; giới thiệu cho anh Phạm Đức L1 thi công cơ điện cho dự án xây dựng spa cho người nước ngoài, có chung cư cho thuê... làm cho nhiều người bị hại tin tưởng đưa tiền cho T và bị chiếm đoạt. Cụ thể:

1) Chiếm đoạt của anh Tăng Duy P số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*.

Trần Trọng T làm dịch vụ cho thuê xe du lịch, thỉnh thoảng thuê ông P lái xe đưa đón khách nên quen biết nhau. Cuối năm 2023, T liên lạc với ông P nói Công ty TNHH V của T cần mua xe ô tô đời mới hiệu Carnival để đưa đón khách du lịch, T nói ông P chỉ cần góp vốn 25% giá trị xe, phần còn lại là vốn của Công ty, ông P sẽ được ký hợp đồng lái xe cho công ty. Ông P đang thất nghiệp, nghe T nói vậy đã đồng ý. Ngày 03/01/2024, thông qua mạng xã hội, T đặt làm 01*(một)* biên bản thỏa thuận góp vốn mua xe có dấu đỏ của Công ty TNHH V và đưa cho ông P ký, theo đó số tiền ông P góp vốn là 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*. Cùng ngày, ông P đã giao cho T đủ số tiền này. Sau khi nhận được tiền, T đã dùng để trả nợ cho bà Trần Thị Q 74.700.000 đồng *(Bảy mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng)*, số tiền còn lại đã tiêu xài cá nhân hết. Ông P yêu cầu T bồi thường số tiền đã chiếm đoạt.

2) Chiếm đoạt của bà Lê Thị Thu T2 và ông Nguyễn Quốc H2 số tiền 380.000.000 đồng *(Ba trăm tám mươi triệu đồng)*.

Năm 2022, T và ông Nguyễn Quốc H2 chồng bà T2 làm việc tại công ty D, phường K, quận C, TP Đà Nẵng nên quen biết nhau. Cuối năm 2023, khi gặp lại anh H2, T kể đang làm giám đốc của công ty TNHH V chuyên cho thuê xe du lịch, T nói anh H2 mua xe ô tô để làm ăn chung. Anh H2 nói chỉ có khoảng 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)*, thì T nói có bao nhiêu góp bấy nhiêu, phần còn lại T sẽ góp. T còn hứa hẹn sẽ giao cho vợ chồng ông H2 đứng tên đăng ký xe và trực tiếp sử dụng xe để chở khách dưới sự điều phối của T. Tin tưởng lời nói của T, vợ chồng ông H2 bà T2 đã đồng ý góp tiền mua xe để làm ăn chung với T.

Ngày 20/01/2024, T đại diện công ty TNHH V ký biên bản góp vốn với bà T2, theo đó bà T2 góp vốn với số tiền 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* để mua xe Carnival 2023 màu đen, BKS 51K-19041 *(T khai đã tải hình ảnh xe ô tô từ mạng xã hội để ghi vào biên bản góp vốn, biên bản này do* T *đặt làm qua mạng)*. Ngày 29/01/2024, bà T2 đã chuyển vào số tài khoản ngân hàng Q1 của T số tiền 380.000.000 đồng *(Ba trăm tám mươi triệu đồng)*. Ngay sau đó, T đã chuyển trả

nợ cho ông Nguyễn Huỳnh T3 325.000.000 đồng *(Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng)*, số tiền còn lại sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Bà T2 yêu cầu T bồi thường số tiền đã chiếm đoạt.

Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra đã tiến hành xác minh tại Sở K1, xác định: không có thông tin về Công ty TNHH V đăng ký kinh doanh tại thành phố Đà Nẵng. Xác minh đối với xe BKS 51K-19041 xác định: xe ô tô này thuộc sở hữu của ông Trần Ích P1, trú: số A Q, phường A, quận T, TP .. Hiện nay, ông P1 vẫn đang quản lý, sử dụng xe ô tô này.

3) Chiếm đoạt của anh Phạm Phú K số tiền 19.700.000 đồng *(Mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

Qua các mối quan hệ xã hội, T quen biết với anh K làm nghề mua bán điện thoại cũ. Do có ý định phạm tội từ trước, ngày 17/7/2024, T liên hệ anh K hỏi mua 01*(một)* điện thoại Iphone 14 Promax cho khách, anh K báo giá 19.700.000đ *(Mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng)*, T đồng ý và hẹn trả tiền sau. Khi nhận được điện thoại, T đem bán lại cho người khác *(không rõ nhân thân, lai lịch)* với giá 18.000.000 đồng *(Mười tám triệu đồng)*, số tiền này T tiêu xài cá nhân hết. Anh K nhiều lần tìm T để đòi tiền thì T đã trả 5.400.000 đồng *(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Anh K yêu cầu T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

4) Chiếm đoạt của anh Vũ Thành N số tiền 4.550.000 đồng *(Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Giữa tháng 8/2024, thông qua mạng xã hội, anh N liên hệ với T để thuê xe ô tô 02 ngày để đi du lịch tại TP Đà Nẵng. T thuê xe ô tô biển số 43A-728.76 của người khác cho anh N thuê lại kiếm tiền lời. Ngày 17/8/2024, T giao xe cho anh N, do có ý định chiếm đoạt tiền của anh N nên T yêu cầu anh N phải đặt cọc tiền xe và trả trước tiền thuê xe với tổng số tiền 8.200.000 đồng *(Tám triệu hai trăm nghìn đồng)*. Đến tối 19/8/2024, anh N trả xe. Sau khi trừ các chi phí thuê xe, T phải trả lại cho anh N số tiền 4.550.000 đồng *(Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng T đã viện nhiều lý do để không trả tiền lại cho anh N. Số tiền chiếm đoạt, T chi tiêu cá nhân hết. Anh N yêu cầu T bồi thường số tiền này.

5) Chiếm đoạt của anh Phạm Đức L1 135.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)*.

Thông qua mối quan hệ xã hội, T quen anh L1 làm nghề thợ điện. Đầu tháng 9/2024, T nói với anh L1 mình có quen biết 01 ông chủ Hàn Quốc đang xây dựng Spa tại quận N, TP .. Nếu anh L1 muốn thi công phần điện tại Spa này thì T sẽ giới thiệu, T yêu cầu anh L1 phải chi tiền trước để lo liệu việc này, anh L1 tin tưởng nên đồng ý. Từ ngày 16 đến ngày 19/9/2024, theo yêu cầu của T, anh L1 đã chuyển cho T số tiền 120.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi triệu đồng)*.

Cùng thời gian này, T biết anh L1 có nhu cầu thuê nhà để ở nên đưa ra thông tin gian dối rằng mình là chủ căn hộ A khu C, phường H, quận N, TP ., T sẽ cho anh L1 thuê với giá 5.000.000 đồng/tháng. Thực tế, chị Phan Thị Cẩm T4 đang

sống chung với T là người đang đứng tên thuê căn hộ này. Lợi dụng lúc chị T4 không có mặt, T dẫn anh L1 đến xem căn hộ và nói dối rằng mình đang hoàn thiện nội thất, yêu cầu anh L1 đưa trước tiền cọc thuê 03 tháng là 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*. Anh L1 tin tưởng nên nói vợ là Lê Thị Na C1 cho T số tiền này.

Toàn bộ số tiền 135.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)* chiếm đoạt của anh L1, T sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 181/2025/HS-ST ngày 27/9/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

"I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Trọng T *phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

II. Về hình phạt:

- Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trần Trọng T*: 13 (mười ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/12/2024.*

III. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Trần Trọng T *bồi thường trả lại cho những người bị hại gồm:*

3.1. Ông Tăng Duy P *số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng),*

3.2. Vợ chồng bà Lê Thị Thu T2 *ông* Nguyễn Quốc H2 *số tiền 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng).*

3.3. Ông Phạm Phú K *số tiền 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).*

3.4. Ông Vũ Thành N *số tiền 4.550.000 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) .*

3.5. Vợ chồng ông Phạm Đức L1 *bà* Lê Thị N1 *số tiền 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).*

Tổng số tiền buộc bị cáo Trần Trọng T *bồi thường trả lại cho các bị hại nêu trên là: 834.050.000 đồng (Tám trăm ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)".*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16/10/2025, bị cáo Trần Trọng T làm đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư Nguyễn Thành Đ: Theo bản án hình sự sơ thẩm thì ông Nguyễn Huỳnh T3, bà Trần Thị Q phải nộp lại số tiền 399.700.000 đồng để bồi thường cho những bị hại, ông T3, bà Q không kháng cáo nên cần xác định bị cáo đã bồi thường số tiền nêu trên cho những bị hại, vì vậy bị cáo chỉ phải bồi thường cho những bị

hại số tiền chỉ hơn 400.000.000 đồng. Đề nghị HĐXX giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo Trần Trọng T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật, mức hình phạt 13 năm tù đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo. Đề nghị HĐXX sửa lại bản án sơ thẩm về số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Phú K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo, luật sư.

[1] Theo bản án hình sự sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai người bị hại, tang vật thu giữ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có đủ cơ sở xác định: Để có tiền tiêu xài và trả nợ, trong khoảng thời gian từ năm 2023 đến tháng 9/2024, Trần Trọng T đã dùng thủ đoạn gian dối là góp vốn mua xe ô tô, giới thiệu công việc thi công cơ điện cho dự án xây dựng spa cho người nước ngoài, có chung cư cho thuê… để chiếm đoạt của ông Tăng Duy P, vợ chồng bà Lê Thị Thu T2, ông Nguyễn Quốc H2, ông Phạm Phú K, ông Vũ Thành N, vợ chồng ông Phạm Đức L1, bà Lê Thị N1 với tổng số tiền 839.250.000 đồng (tám trăm ba mươi chín triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng). Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Trần Trọng T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo:

Tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo Trần Trọng T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, nếu xâm phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 839.250.000 đồng. Hành vi của bị cáo thể hiện xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm này tại địa phương.

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cũng như tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để từ đó xử phạt bị cáo mức hình phạt 13 năm tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo.

[3] Bị cáo chiếm đoạt của anh Phạm Phú K số tiền 19.700.000 đồng, bị cáo đã trả cho anh K số tiền 5.400.000 đồng nên bị cáo chỉ chiếm đoạt của anh K số tiền 14.300.000 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm lại buộc bị cáo bồi thường cho anh Phạm Phú K 14.500.000 đồng là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[4] Án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Trọng T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 181/2025/HS-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Trần Trọng T 13 (Mười ba) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/12/2024.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự;

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Trọng T bồi thường trả lại cho những người bị hại gồm:

2.1. Ông Tăng Duy P số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng),

2.2. Vợ chồng bà Lê Thị Thu T2 ông Nguyễn Quốc H2 số tiền 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng).

2.3. Ông Phạm Phú K số tiền 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

2.4. Ông Vũ Thành N số tiền 4.550.000 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) .

2.5. Vợ chồng ông Phạm Đức L1 bà Lê Thị N1 số tiền 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Tổng số tiền buộc bị cáo Trần Trọng T bồi thường trả lại cho các bị hại nêu trên là: 833.850.000 đồng (Tám trăm ba mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

3. Về án phí phúc thẩm:

Bị cáo Trần Trọng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngay tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện công tố và KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam (02 bản, giao cho bc);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hòa